

Xuân Lộc, ngày 01 tháng 5 năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

Về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản bị ảnh hưởng bởi Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành đoạn qua xã Xuân Hoà

Họ và tên người sử dụng đất: Hộ ông Nguyễn Bá Hùng và bà Nguyễn Thị Thuý Vân

Số định danh cá nhân/ Căn cước công dân: 054064008588

Địa chỉ: Ấp Xuân Tâm 5, xã Xuân Hoà, tỉnh Đồng Nai

Số điện thoại: 09.02.006.691

Vị trí đất thu hồi: Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp Trường Mầm non ấp 6 đến Hết chùa Quảng Long

Diện tích thu hồi: 5,60 m2

Loại đất thu hồi: đất trồng cây lâu năm (CLN)

Nguồn gốc đất thu hồi: Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 193 (tờ bản đồ 82 xã Xuân Tâm cũ), mục đích sử dụng đất: đất ở tại nông thôn (ONT) và trồng cây lâu năm (CLN) được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 458969 ngày 21/07/2015 cho ông Nguyễn Bá Hùng và bà Nguyễn Thị Thuý Vân. Đất sử dụng ổn định, không tranh chấp. Trong phạm vi thu hồi đất có công trình vật kiến trúc xây dựng 2022.

BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

I. ĐẤT ĐAI: Đơn giá theo Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../2026 của UBND tỉnh Đồng Nai; (Giấy xác nhận nguồn gốc đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi Số 55 ngày 26/4/2026 của UBND xã Xuân Hoà); PLI-847 (30.12) - 25. Xuân Hoà - TT.15										
STT	Số thửa	Số tờ	ĐVT (m2)	Loại đất	Vị trí	Đơn giá	Số lượng	Tỷ lệ BT, hỗ trợ	Thành tiền	Tình trạng pháp lý; căn cứ quy định bồi thường (259)
1	15	193	m <sup>2</sup>	CLN	1	530.000	5,600	100%	2.968.000	
Tổng đất đai:							5,600		2.968.000	
II. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ: (Giấy xác nhận hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ ổn định đời sống; Hỗ trợ ổn định sản xuất Kinh Doanh; Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm làm việc số 68/UBND-KT ngày 28/4/2026 của UBND xã Xuân Hoà)										Tình trạng pháp lý; căn cứ quy định bồi thường
2	Hỗ trợ ổn định đời sống: (tỷ lệ % diện tích đất nông nghiệp thu hồi)					theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ: Khoản 1 điều 10 QĐ số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025				
	Thu hồi dưới 30% đất NN	Có di chuyển chỗ ở	không di chuyển chỗ ở	Số tháng hỗ trợ	Đơn giá 1kg gạo là 20.000 đồng x 30 kg	Số nhân khẩu	Hỗ trợ so với đơn giá	Thành tiền	Tình trạng pháp lý; căn cứ quy định bồi thường	
	dưới 30%		x	3	600.000	2	0,5	1.800.000		
Tổng chính sách hỗ trợ:									1.800.000	
III. NHÀ, VẬT KIẾN TRÚC: xây dựng năm 2002										
STT	Danh mục tài sản		Cấp hạng nhà	ĐVT	Đơn giá	Số lượng	Tỷ lệ BT, hỗ trợ	Thành tiền	Tình trạng pháp lý; căn cứ quy định bồi thường	
1	Mái bạt quay			m2	259.000	21,0000	100%	5.439.000	áp bằng mái che	
2	Mái che: mái tôn, khung cột sắt		thu hồi	m2	720.000	31,3600	100%	22.579.200	..	
	Mái che: mái tôn, khung cột sắt		ảnh hưởng	m2	720.000	39,2000	100%	28.224.000	..	

3	Nền lát gạch ceramic	thu hồi	m2	202.000	44,100	100%	8.908.200	-
4	Tường gạch xây tô, xây đá		m3	1.798.000	1,0800	100%	1.941.840	-
5	Mái che di động		m2	259.000	23,520	100%	6.091.680	áp bằng mái che
6	Nền lát gạch ceramic		m2	202.000	23,520	100%	4.751.040	-
7	Nền bê tông không cốt thép dày 0,1m		m3	2.246.000	2,35200	100%	5.282.592	-
8	Bảng hiệu Alu		m2	1.008.000	9,00000	100%	9.072.000	áp bằng cổng sắt kiên cố
9	Di dời bảng hiệu		cái	173.000	1	100%	173.000	áp bằng di dời cổng sắt (rộng 2-5 mét, cao trên 2 mét)
Tổng nhà, vật kiến trúc:							92.462.552	

IV. CÂY TRỒNG							
STT	Tên cây trồng	ĐVT	Đơn giá	Số lượng	Tỷ lệ BT, hỗ trợ	Thành tiền	Tình trạng pháp lý; căn cứ quy định bồi thường
1	Hỗ trợ di chuyển chậu kiểng (có trồng cây) bằng sành, xi măng, sắt, nhựa trường hợp dưới 100 chậu/ hộ chậu có đường kính từ 45cm đến <60cm	chậu	84.200	20	100%	1.684.000	
2	Hỗ trợ di chuyển chậu kiểng (có trồng cây) bằng sành, xi măng, sắt, nhựa trường hợp dưới 100 chậu/ hộ chậu có đường kính từ 20cm đến <30cm	chậu	33.500	5	100%	167.500	
Tổng cây trồng, hoa màu:						1.851.500	
V. THƯỜNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ ĐẤT THU HỒI BÀN GIAO MẶT BẰNG TRƯỚC THỜI HẠN						8.000.000	Khoản 4, điều 15 QĐ số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025
TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V):						107.082.052	

VỊ TRÍ, DIỆN TÍCH, TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT KHI GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ, GIÁ BÁN NHÀ Ở TÁI ĐỊNH CƯ CHO NGƯỜI ĐƯỢC BỎ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ HOẶC GIAO ĐẤT KHÁC CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN (NẾU CÓ): Không có

KHOẢN TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI TRỪ VÀO TIỀN BỒI THƯỜNG ĐẤT (NẾU CÓ): Xác định tại thời điểm chi trả tiền bồi thường trên cơ sở thông tin về nghĩa vụ tài chính do Thuế cơ sở 1 Tỉnh Đồng Nai xác định.

TỔNG SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THUÊ ĐẤT PHẢI NỘP VÀO SỐ TIỀN ĐƯỢC BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT (NẾU CÓ): 107.082.052 đồng

SỐ TIỀN ĐƯỢC GHI NỢ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT KHI ĐƯỢC GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ (NẾU CÓ): Không có